



## CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Địa chỉ: Số 74F3 Khu Đô thị mới Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: 04.35409236 Fax: 04.35409237

Email: [info@luyenkimphuthinh.vn](mailto:info@luyenkimphuthinh.vn)

Website: [www.luyenkimphuthinh.vn](http://www.luyenkimphuthinh.vn)

Hà nội, ngày 18 tháng 4 năm 2014

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

### I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh, tiền thân là Công ty Cổ phần Luyện kim Đông Á, được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 0103024193 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/04/2008, thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 08 năm 2012.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Tên tiếng Anh: PHU THINH METALLURGY JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 74 F3, khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 2245 0442 Fax: (84-4) 3787 6383

Website: [www.luyenkimphuthinh.vn](http://www.luyenkimphuthinh.vn)

Email: [info@luyenkimphuthinh.vn](mailto:info@luyenkimphuthinh.vn)

Tài khoản số: 21310000228575 mở tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Nam Hà Nội

Mã số thuế: 0102 739 992



Biểu tượng của Công ty:

Vốn điều lệ: 216.000.000.000 đồng (Hai trăm mươi sáu tỷ đồng)

Mã chứng khoán: PTK

Giấy CNĐKKD: Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103024193 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102739992

thay đổi lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 30/05/2012.

## 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

### 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh tiền thân là Công ty Cổ phần Luyện Kim Đông Á với vốn điều lệ ban đầu là 50.000.000.000 đồng. Công ty đã tiến hành tăng vốn lần thứ nhất lên 156.000.000.000 đồng vào ngày 03 tháng 12 năm 2010, đồng thời đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh. Ngày 28 tháng 05 năm 2012, Công ty đã thực hiện thành công đợt tăng vốn lần thứ hai lên 216.000.000.000 đồng.

Qua các năm hoạt động, Công ty đã không ngừng phát triển và lớn mạnh cả về quy mô và chất lượng, nhanh chóng chiếm thị phần trên thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu nhờ tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quản lý chất lượng sản phẩm.

Trong 5 năm hoạt động và phát triển của mình, với đội ngũ cán bộ quản lý kinh nghiệm, với nhiều năm cộng tác cùng các đối tác trong và ngoài nước ở các dự án khai thác mỏ, Công ty đã nhận được sự tín nhiệm của các bạn hàng, đồng thời đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong kinh doanh.

### Các mốc hình thành và phát triển

|                 |                                      |  |
|-----------------|--------------------------------------|--|
| Ngày 29/04/2008 | Thành lập                            | Với tên gọi <b>Công ty Cổ phần Luyện kim Đông Á</b> , với vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng  |
| Ngày 07/04/2009 | Đầu tư vào công ty con               | Mua lại <b>Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện kim Thăng Long Nghệ An</b> để trở thành công ty con 100% vốn góp với số vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng |
| Ngày 03/12/2010 | Tăng vốn điều lệ,<br>Đổi tên Công ty | - Tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 156.000.000.000 đồng<br>- Đổi tên Công ty thành Công ty <b>Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh</b>                   |
| Ngày 28/05/2012 | Tăng vốn điều lệ                     | Tăng vốn điều lệ từ 156.000.000.000 đồng lên 216.000.000.000 đồng  |

### Định hướng phát triển

Về lĩnh vực kinh doanh, định hướng của Công ty sẽ chuyên sâu vào lĩnh vực khai thác khoáng sản và kinh doanh thương mại khoáng sản. Với định hướng cụ thể như sau:

- Với hoạt động kinh doanh chính là thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán các loại khoáng sản, trong những năm tới, Phú Thịnh đặt mục tiêu phát triển chính là: Đầu tư sâu rộng cho ngành khai thác, chế biến khoáng sản, kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ quặng sắt.

- Triển khai, đầu tư thêm các dự án mở rộng, tăng năng lực sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm và chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh nhằm củng cố và nâng cao thương hiệu của Công ty trong nước cũng như ngoài nước.

- Tận dụng các lợi thế về mỏ hiện có của Công ty, Phú Thịnh định hướng trở thành một Công ty lớn về khai thác, chế biến, kinh doanh thương mại khoáng sản, nhằm tận dụng hết các lợi thế về tài chính, mặt bằng kinh doanh, nhà xưởng và nguồn nhân lực hiện có của Công ty và hợp tác chặt chẽ với các Công ty kinh doanh cùng ngành.

## 1.2. Các sự kiện quan trọng

- Ngày 14/9/2012 Công ty chính thức được giao quyết định niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Ngày 25/9/2012 cổ phiếu PTK của Công ty chính thức giao dịch phiên đầu tiên trên sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

## 2. Quá trình phát triển

### 2.1. Ngành nghề kinh doanh

- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Lập các dự án và đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Mua bán khoáng sản, các thiết bị máy móc khai khoáng, chế biến khoáng sản và luyện kim;
- Kinh doanh Bất động sản bao gồm:
  - + Đầu tư, xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung, tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
  - + Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
  - + Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại;
  - + Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng;
  - + Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;

- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi và công nghiệp;

## 2.2. Tình hình hoạt động

### Hoạt động kinh doanh

Kể từ khi thành lập đến nay, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh chủ yếu là kinh doanh thương mại các loại quặng (quặng sắt, quặng kẽm, quặng thiếc), các loại đá (đá thạch anh,...). Từ năm 2009, với việc đầu tư 20 tỷ đồng vào công ty con Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện kim Thăng Long Nghệ An, Công ty có kế hoạch mở rộng sang hoạt động đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản, và đây đang là định hướng chính trong lĩnh vực kinh doanh dài hạn trong thời gian tới.

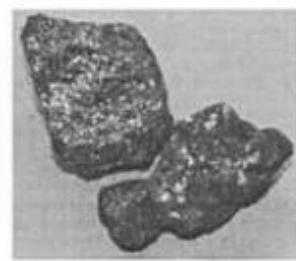
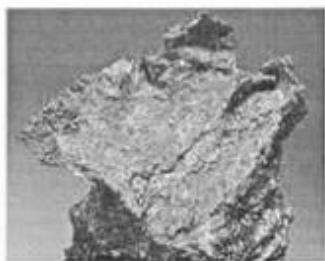
Hiện tại để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ cho các đơn hàng ngày càng lớn của các khách hàng trong và ngoài nước, Công ty thực hiện thu mua lại quặng nguyên liệu của các đơn vị khác, thực hiện sơ chế để cung cấp đầy đủ và đúng hạn cho các khách hàng. Công ty đang thực hiện kinh doanh khoáng sản chủ yếu là các loại: quặng sắt, thiếc, chì, kẽm, và các loại đá.

Quặng sắt là nguồn nguyên liệu đầu vào chính cho các nhà máy luyện gang thép. Hiện tại nhà cung cấp quặng cho hoạt động thương mại của Phú Thịnh chủ yếu gồm: Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Na Rì Hamico, Công ty Cổ Phần Đồng Vàng Bắc Kạn, Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Bắc, Công ty Cổ Phần Thép Cao Bắc. Nguồn gốc xuất xứ của quặng sắt thương mại là quặng tại các mỏ tại Yên Bái, Lào Cai, ...với hàm lượng Fe khoảng từ 59-65%.



Một số hình ảnh quặng sắt

Ngoài mua bán quặng sắt, từ năm 2012 Công ty còn kinh doanh thêm quặng chì và tinh bột chì, với nguồn hàng cung cấp từ Tập đoàn tre gỗ Việt Nam.



### Một số hình ảnh quặng chì và tinh bột chì

Khách hàng nhập các mặt hàng quặng sắt và quặng chì chủ yếu của Phú Thịnh là các công ty: CTCP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc, CTCP An Hồng Phương, CTCP Luyện kim Đông Bắc, ...

Một mặt hàng kinh doanh đóng góp tỷ trọng lớn trong doanh thu của Công ty là đá Thạch anh. Đá thạch anh ngoài việc được sử dụng để làm đồ trang sức, trang trí, đồ phong thủy, còn được ứng dụng rất nhiều trong việc sử dụng trong lĩnh vực điện tử,... Nguồn cung cấp chủ yếu từ Công ty Cổ phần Đồng Vàng Bắc Kạn, Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Bắc, Công ty Cổ phần Thép Cao Bắc,

...



### Một số hình ảnh đá thạch anh

Thời gian tới, cùng với Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Yên Bái Lào Cai, Công ty sẽ mở rộng hơn nữa việc kinh doanh mặt hàng khoáng sản gồm quặng thiếc, chì, kẽm, và đá thạch anh, đá cục Silic,...

### Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản

Kể từ năm 2009, Phú Thịnh đã có định hướng mở rộng hoạt động kinh doanh, phát triển sâu vào lĩnh vực khai thác và chế biến quặng. Từ tháng 04/2009, Công ty đã tiến hành mua lại Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện kim Thăng Long Nghệ An từ CTCP Khoáng sản và Luyện kim Thăng Long trở thành công ty con với 100% vốn góp, theo đó công ty con sẽ có nhiệm vụ thực hiện các thủ tục liên quan tới việc xin cấp phép khai thác mỏ, triển khai thăm dò, và khai thác quặng.

Hiện nay các mỏ quặng mà Thăng Long Nghệ An đã xin được giấy phép khai thác bao gồm các mỏ quặng sắt, thiếc và caxiterit. Các mỏ quặng này chủ yếu đang trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, xây dựng hạ tầng cơ sở, đặt mũi thăm

dò để tiến hành khai thác. Trong những năm tới, các sản phẩm từ hoạt động khai thác mỏ sẽ là nguồn cung cấp dầu vào ổn định cho mảng kinh doanh thương mại khoáng sản của công ty mẹ Phú Thịnh.

#### Các mỏ quặng sắt ở Nghệ An, bao gồm:

- + Mỏ quặng sắt Eluvi-deluvi Tống Phái, tại Xã Châu Bình huyện Quỳ Châu, và xã Yên Hợp huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.
- + Mỏ quặng sắt Eluvi-deluvi Võ Nguyên, tại Xã Thanh Lâm huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.
- + Mỏ quặng sắt Eo Dòng, tại xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
- + Mỏ quặng da kim (sắt – Caxiterit) tại Xã Tri Lễ huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An với các sản phẩm chính là là quặng sắt, thiếc và caxiterit



#### Thông tin về các mỏ ở Nghệ An như sau:

##### a. Khai thác lộ thiên mỏ sắt Eluvi-deluvi Tống Phái, tại Xã Châu Bình huyện Quỳ Châu, và xã Yên Hợp huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

Mỏ quặng sắt xã Yên Hợp huyện Quỳ Hợp và xã Châu Bình, huyện Quỳ Châu được UBND tỉnh Nghệ An cấp phép khai thác cho Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện Kim Thăng Long – Nghệ An theo quyết định số 434/QĐ-UBND.TN ngày 12/02/2009, theo đó các thông tin về mỏ và công nghệ khai thác mỏ như sau:

- Trữ lượng mỏ (dự kiến): 276.357 tấn quặng sắt tinh
- Công suất khai thác: 45.000 tấn quặng tinh/ năm
- Công nghệ khai thác: Lộ thiên - khoan nổ mìn
- Hệ thống khai thác: theo lớp băng, xúc bốc, vận tải trực tiếp
- Thời gian cấp phép: 05 năm

- Thời gian còn lại đến thời điểm này của giấy phép: 1 năm 6 tháng
- Tiết độ đầu tư khai thác mỏ: đã mở hào từ điểm A có tọa độ X: 2153522; Y: 552522, Z: +85m. Bề rộng 7,5m, chiều dài hào 193m; góc nghiêng thành hào 500; góc dốc đáy hào 8%, Khối lượng hào cánh nam là 549m<sup>3</sup>. Khối lượng tận thu quặng là 2.594 tấn. Khối lượng khai thác hiện tại là 85.000 tấn quặng nguyên khai – tinh tuyển được 1.200 tấn quặng sắt tinh. Dự kiến trong năm 2012 sẽ khai thác khoảng 100.000 tấn quặng nguyên khai.
- Kế hoạch gia hạn giấy phép: Mỏ sắt tại Tổng Phái và Yên Hợp – Nghệ An này gồm 3 điểm mỏ nhưng đến thời điểm hiện tại Điểm mỏ tại Bản Can đã hết hạn giấy phép (tháng 2/2012), do trữ lượng thấp và công tác khai thác khó khăn dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp, nên Công ty đã không xin gia hạn khai thác thêm Điểm mỏ này. Hai điểm mỏ còn lại Công ty sẽ tiến hành xin gia hạn giấy phép vào đầu năm 2014.

**b. Khai thác lộ thiên mỏ quặng sắt và thiếc - Caxiterit Tri Lễ, tại Xã Tri Lễ huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.**

Mỏ quặng sắt và thiếc khu vực Tri Lễ được UBND tỉnh Nghệ An cấp phép khai thác cho Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện Kim Thăng Long – Nghệ An theo quyết định số 315/QĐ-UBND.TN ngày 22/01/2009, theo đó các thông tin về mỏ và công nghệ khai thác mỏ như sau:

- Trữ lượng mỏ (dự kiến): 437.179 tấn quặng sắt tinh và 285 tấn quặng thiếc tinh
- Công suất khai thác: 50.000 tấn quặng tinh/ năm
- Công nghệ khai thác: Lộ thiên - khoan nổ mìn
- Hệ thống khai thác: theo lớp băng, xúc bốc, vận tải trực tiếp
- Thời gian cấp phép: 05 năm
- Thời gian còn lại đến thời điểm này của giấy phép: 1 năm 5 tháng
- Tiết độ đầu tư khai thác mỏ: Tại Huổi Cò Phật 1 đã mở hào có khối lượng 11.230m<sup>3</sup>, hiện tại đã khai thác khoảng 35.000 tấn quặng nguyên khai - tinh tuyển được 15 tấn quặng sắt, 6 tấn quặng thiếc tinh.
- Kế hoạch gia hạn giấy phép: Công ty có kế hoạch xin gia hạn vào đầu năm 2014.

**c. Khai thác lộ thiên mỏ sắt - Eluvi-deluvi Võ Nguyên, tại Xã Thanh Lâm huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.**

Mỏ sắt Võ Nguyên được UBND tỉnh Nghệ An cấp phép khai thác cho Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện Kim Thăng Long – Nghệ An theo quyết

định số 295/QĐ-UBND.TN ngày 21/01/2009, theo đó các thông tin về mỏ và công nghệ khai thác mỏ như sau:

- Loại khoáng sản: Quặng sắt
- Trữ lượng mỏ (dự kiến): 272.955 tấn quặng sắt tinh
- Công suất khai thác: 60.000 tấn quặng tinh/ năm
- Công nghệ khai thác: Lộ thiên - khoan nổ mìn
- Hệ thống khai thác: theo lớp băng, xúc bốc, vận tải trực tiếp
- Thời gian cấp phép: 05 năm
- Thời gian còn lại đến thời điểm này của giấy phép: 1 năm 5 tháng
- Tiến độ đầu tư khai thác mỏ: Hiện tại đã mở mỏ từ điểm A có tọa độ X: 2063751; Y: 572391; Z: 5m đến điểm C đỉnh đồi. Đường hào có dạng bán hoàn chỉnh cắt vào thân quặng có chiều rộng 7,5m, dài, 122,5 và 535m, góc nghiêng thành hào 500, độ dốc đáy hào 8%, khối lượng hào mở mỏ cánh nam 7.039m<sup>3</sup>, khối lượng quặng tận thu là 14.649 tấn. Hiện tại khối lượng khai thác khoảng 75.000 tấn quặng nguyên khai - tinh tuyển được 4.500 tấn quặng sắt tinh. Dự kiến đến hết năm 2012 sẽ khai thác được 150.000 tấn.
- Kế hoạch gia hạn giấy phép: Công ty có kế hoạch xin gia hạn vào đầu năm 2014

**d. Khai thác lộ thiên mỏ sắt Eo Dòng, tại Xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.**

Mỏ quặng sắt Eo Dòng được UBND tỉnh Nghệ An cấp phép khai thác cho Công ty Cổ phần Luyện kim Đông Á (tên gọi trước đây của Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh) theo quyết định số 6017/QĐ-UBND.TN ngày 12/10/2009, theo đó các thông tin về mỏ và công nghệ khai thác mỏ như sau:

- Trữ lượng mỏ (dự kiến): 54.472,6 tấn quặng sắt tinh
- Công suất khai thác: 15.000 tấn quặng tinh/ năm
- Công nghệ khai thác: Lộ thiên
- Hệ thống khai thác: cuốn chiếu từ thấp lên cao
- Thời gian cấp phép: 05 năm
- Thời gian còn lại đến thời điểm này của giấy phép: 2 năm 2 tháng
- Tiến độ đầu tư khai thác mỏ: đã mở via băng hào chung mở đường hào từ mặt băng khu tuyển đi lên ở mức +20 chạy dọc theo chân đồi. Khối lượng khai thác hiện tại khoảng 55.000 tấn quặng nguyên khai – tinh tuyển được 150 tấn quặng sắt tinh. Dự kiến đến hết năm 2012 là 100.000 tấn.

- Kế hoạch gia hạn giấy phép: Công ty có kế hoạch xin gia hạn vào cuối năm 2014.

Bên cạnh các sản phẩm quặng sắt, quặng đa kim, hiện Phú Thịnh đang triển khai khai thác quặng vàng gốc tại mỏ khai thác ở xã Nậm Cố, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bai.

**Thông tin về mỏ vàng gốc tại Yên Bai như sau:**

Dịa điểm : Xã Nậm Cố, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bai

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh

Diện tích khai thác: 100ha

Thời gian khai thác: 09 năm kể từ ngày 30/06/2011

Thời gian còn lại đến thời điểm này của giấy phép: 7 năm 10 tháng

Trữ lượng được cấp phép khai thác: 201.928 tấn quặng

Công suất khai thác: 25.240 tấn quặng/năm

Công nghệ khai thác: Hầm lò

Mô tả:

- Diện tích khu vực thăm dò 100 ha thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1/50.000 hệ VN-2000 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ thể hiện trên bản đồ khu vực thăm dò;
- Phương pháp và khối lượng khai thác chủ yếu: Quặng vàng gốc được tiến hành khai thác theo phương pháp hầm lò với tổng trữ lượng 201.928 tấn quặng.
- Cơ sở pháp lý: Giấy phép số 990/GP-UBND tỉnh Yên Bai cấp phép việc khai thác quặng vàng gốc bằng phương pháp hầm lò cho Công ty cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh.
- Mục tiêu đầu tư: Khai thác vàng gốc chất lượng cao cung cấp cho thị trường trong nước (khoảng 80%) và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài (20% sản phẩm của dự án). Tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Góp phần tăng ngân sách nhà nước. Thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh Yên Bai
- Tiến độ đầu tư: Hiện nay, Công ty đã tiến hành mua lại thành công nhà máy tuyển quặng của một đơn vị khai thác chế biến quặng nằm gần vị trí khai thác của Công ty. Đây là một việc hết sức thuận lợi trong việc đẩy nhanh tiến độ chế biến quặng vàng và chì kẽm, góp phần sớm tạo ra sản phẩm quặng tinh. Chính vì vậy, trong thời gian vừa qua, Công ty đã đẩy nhanh tiến độ khai thác, mở thêm nhiều cửa lò mới nhằm đảm bảo nguyên liệu đầu vào ổn định cho nhà máy.

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Kết quả hoạt động năm 2013

Năm 2013, tình hình kinh tế trong nước còn khó khăn, giá cả cũng như sức tiêu thụ các mặt hàng chủ lực của Công ty trên thị trường đều giảm mạnh, hoạt động kinh doanh thương mại không đem lại hiệu quả.

Đặc biệt, từ đầu năm 2013, Công ty dự kiến phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng để huy động nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư dự án, tuy nhiên đến nay việc phát hành chưa hoàn thành, ảnh hưởng lớn đến kế hoạch huy động vốn, vì vậy kết quả kinh doanh trong năm không đạt như kế hoạch đã đề ra.

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chi tiêu             | Kế hoạch<br>2013<br>(Tỷ đồng) | Thực hiện<br>Năm 2013<br>(Tỷ đồng) | Mức độ hoàn thành<br>kế hoạch 2013<br>(%) | Số với<br>năm 2012<br>(%) |
|----------------------|-------------------------------|------------------------------------|---|---------------------------|
| Doanh thu            | 250                           | 33                                 | 13%                                       | 26%                       |
| Lợi nhuận trước thuế |                               | 1,38                               |   | 12%                       |
| Lợi nhuận sau thuế   | 30                            | 0,973                              | 3%  | 11%                       |

### 2. Những rủi ro có thể gặp trong hoạt động kinh doanh và chiến lược quản lý rủi ro của Công ty

- Ngoài những rủi ro về các yếu tố vĩ mô nói chung như: tốc độ phát triển kinh tế, tỷ giá hối đoái, lãi suất, lạm phát,...Công ty có thể gặp những rủi ro đặc thù ngành như: điều kiện tự nhiên, môi trường, biến động bất thường về địa chất, chất lượng khoáng sản, hay những rủi ro về pháp luật như: Định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi hay hạn chế, các chính sách về thuế, bảo vệ môi trường, giấy phép khai thác mỏ,...

- Để hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng từ những rủi ro có thể gặp phải, Ban lãnh đạo Công ty luôn có sự chủ động và điều chỉnh kịp thời trong công tác điều hành, luôn đề ra các phương án dự phòng, từ đó đáp ứng linh hoạt với tình huống mới.

### 3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- Nhu cầu về các loại quặng nói chung trong nước và trên thế giới vẫn ngày một tăng cao cùng với sự phát triển kinh tế, do đó dự báo thị trường tiêu thụ các sản phẩm của Công ty là rất rộng mở.

- Công ty tiếp tục duy trì các kênh kinh doanh thương mại hiện có, đồng thời đẩy mạnh tiến độ sản xuất tại các công trường, tập trung vào lĩnh vực chế biến sâu khoáng

sản nhằm chủ động nguồn hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh, phù hợp với nhu cầu phát triển bền vững của Công ty cũng như chủ trương, chính sách Nhà nước.

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

- Doanh thu: Tổng doanh thu thực hiện năm 2013 là 33 tỷ đồng, so với kế hoạch 250 tỷ đồng đạt tỷ lệ 13% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện năm 2013 là 1,38 tỷ đồng giảm so với năm 2012 là 10 tỷ đồng, giảm: 12%.

- Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện năm 2013 là 0,973 tỷ đồng so với kế hoạch 30 tỷ đồng đạt tỷ lệ 3%, so với năm 2012 giảm 8,1 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 11%

- Tài sản ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn là 69,9 tỷ đồng, so với tổng tài sản là 316,6 tỷ đồng, chiếm 22,1% trong tổng tài sản của Công ty.

- Nợ phải trả: Nợ phải trả là 83,4 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước là 82,6 tỷ đồng, tăng 0,8 tỷ đồng.

- Vay nợ ngắn hạn 83,4 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước là 82,6 tỷ đồng, tăng 0,8 tỷ đồng.

- Vốn chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu của Công ty tính đến ngày 31/12/2013 là 233 tỷ đồng; Trong đó vốn đầu tư của chủ sở hữu là 216 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản: 0,31%

- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu: 2,95%

- Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu: 45đồng

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo: 233 tỷ đồng.

- Tổng số cổ phiếu (cổ phiếu phổ thông): 21.600.000 CP.

#### 2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu             | Kế hoạch<br>2013 | Thực hiện<br>Năm 2013 | Mức độ hoàn<br>thành kế<br>hoạch 2013 | So với<br>năm 2012 |
|----------------------|------------------|-----------------------|---------------------------------------|--------------------|
| Doanh thu            | 250              | 33                    | 13%                                   | 26%                |
| Lợi nhuận trước thuế |                  | 1,38                  |                                       | 12%                |
| Lợi nhuận sau thuế   | 30               | 0,973                 | 3%                                    | 11%                |
| Cổ tức               |                  | 45                    |                                       |                    |

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Năm 2013       | Năm 2012        |
|--|----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 33.035.729.981 | 125.873.474.149 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | -              | -               |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 33.035.729.981 | 125.873.474.149 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 30.491.408.246 | 116.716.114.260 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 2.544.321.735  | 9.157.359.889   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 279.122        | 3.839.915.227   |
| 7. Chi phí tài chính                               | 70.000.000     | -               |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                        | 70.000.000     | -               |
| 8. Chi phí bán hàng                                | -              | -               |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 1.034.008.359  | 1.467.648.353   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 1.440.592.498  | 11.529.626.763  |
| 11. Thu nhập khác                                  | -              | -               |
| 12. Chi phí khác                                   | 62.116.033     | 92.167.376      |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | (62.116.033)   | (92.167.376)    |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 1.378.476.465  | 11.437.459.387  |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 405.428.306    | 2.324.492.216   |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                     | -              | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 973.048.159    | 9.112.967.171   |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 45             | 478.40          |

Về mức độ hoàn thành kế hoạch, doanh thu chỉ đạt 13% so với kế hoạch đề ra, chỉ tiêu lợi nhuận không đạt được như mong muốn, Lợi nhuận sau thuế đạt 3% kế hoạch.

Nguyên nhân chủ yếu do thị trường tiêu thụ các mặt hàng kinh doanh chính của Công ty vẫn chưa hồi phục, nhu cầu sụt giảm mạnh và năm 2013 cũng là một năm hết sức khó khăn với Công ty. Đặc biệt, trong năm 2013, Công ty đặt nhiều kỳ vọng vào việc huy động vốn từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để mở rộng sản xuất mô

vàng Nậm Cỏ và tăng cường kinh doanh thương mại, tuy nhiên đến nay việc huy động vốn chưa hoàn thành nên kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013 không đạt.

Công ty tiếp tục kỳ vọng vào đợt chào bán cổ phiếu huy động vốn trong năm 2014 để đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 3. Những tiến bộ đạt được

Về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý điều hành: Ban TGD đã chủ trương thực hiện phân cấp, phân quyền trong đội ngũ cán bộ quản lý, giao khoán sản phẩm cho các nhà máy, đơn vị sản xuất, kết hợp công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên, tạo ra sự chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất và hiệu quả lao động.

Về các biện pháp kiểm soát rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động: Công ty chủ động đa dạng hóa các sản phẩm kinh doanh thương mại, cũng như tăng cường năng lực sản xuất, thực hiện chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, năng lực cạnh tranh, đồng thời phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước.

## IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Tham khảo tại website: [www.luyenkimphuthinh.vn](http://www.luyenkimphuthinh.vn)*

## V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán Đông Á
- Địa chỉ: Số 22 Phó Đức Chính, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 043 715 2655                  Fax: 043 715 2656
- Kiểm toán viên: Vũ Đức Thắng, Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0307-2013-43-1

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của  
Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo

cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, từ trang 03 đến trang 22 kèm theo của Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh (sau đây gọi là “Công ty”).

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## VI. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Công ty: không có.
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

Theo quyết định số: 11/QĐ-DHĐCD ngày 16/03/2009, Phú Thịnh có một công ty con là **Công ty TNHH MTV Khoáng sân và Luyện Kim Thăng Long Nghệ An**

|  |  |
|--|--|
| Địa chỉ  | Số 20 Nguyễn Thái Học, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An   |
| Giấy ĐKDN số                                     | 2900980683, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 30/12/2008, và thay đổi lần thứ ba ngày 27/03/2013  |
| Ngành nghề kinh doanh chính                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán các loại khoáng sản;</li> <li>- Mua bán các thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim;</li> <li>- Luyện kim;</li> <li>- Lập dự án đầu tư, xây dựng nhà máy chế biến, luyện kim;</li> <li>- Xây dựng các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi</li> </ul> |
| Vốn điều lệ                                      | : 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ VND)   |
| Vốn điều lệ thực góp đến nay:                    | 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ VND)   |
| Tỷ lệ góp vốn cam kết của Phú Thịnh              | : 100%   |
| Tỷ lệ vốn thực góp của Phú Thịnh đến 07/04/2009: | 100%   |

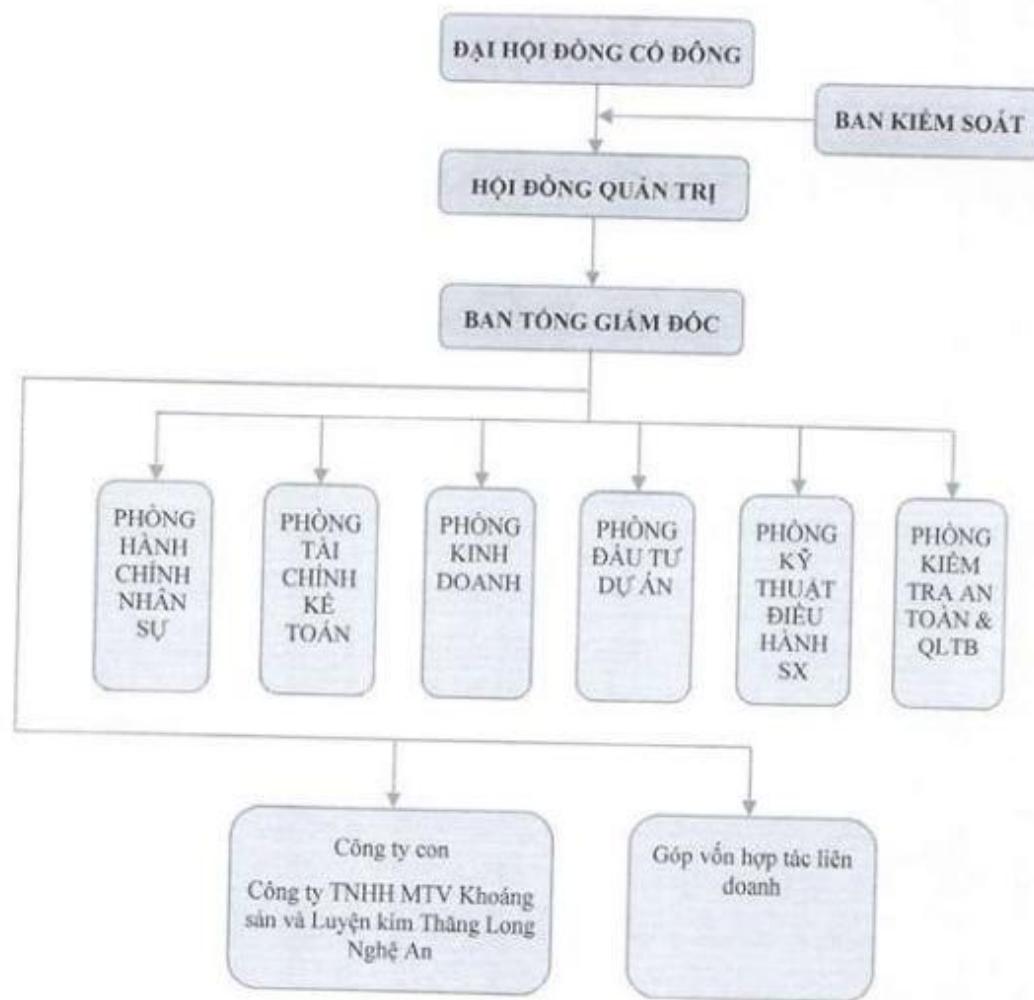
- Liên doanh, liên kết:

+ Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2012/HĐKD, Phú Thịnh và CTCP Chì kẽm Yên Bai mỗi bên cam kết góp 200 tỷ đồng vào nhà máy phục vụ hoạt động sản xuất chì kẽm của Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Phú Thịnh đã thực góp đủ theo cam kết.

+ Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2012/HĐKD, Phú Thịnh và Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Yên Bai Lào Cai, mỗi bên cam kết góp 100 tỷ đồng kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu các mặt hàng khoáng sản cũng như nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã góp đủ theo cam kết

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Cơ cấu tổ chức công ty



#### Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HDQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định số Thành viên HDQT;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HDQT, Ban kiểm soát;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

## **Hội đồng quản trị**

Hội đồng Quản trị do ĐHĐCD bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có nghĩa vụ quản trị Công ty giữa hai kỳ đại hội. HDQT có tối đa 11 thành viên. Số lượng thành viên HDQT mỗi nhiệm kỳ do DHĐCD quyết định. Nhiệm kỳ hoạt động của HDQT là 5 năm.

Hiện tại, HDQT của Công ty có 05 thành viên, nhiệm kỳ là 05 (năm) năm:

|                     |   |
|---------------------|---|
| Ông Nguyễn Tuấn Nhã | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị               |
| Ông Thái Bá Hiền    | Chức vụ: Thành viên HDQT-Kiêm Tổng Giám đốc       |
| Ông Nguyễn Văn Thái | Chức vụ: Thành viên HDQT - Kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Thanh Tân    | Chức vụ: Thành viên HDQT                          |
| Ông Nguyễn Văn Dinh | Chức vụ: Thành viên HDQT                          |

### **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát do ĐHĐCD bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

Hiện tại, Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 (năm) năm, cụ thể:

|                     |                                   |
|---------------------|-----------------------------------|
| Bà Đồng Thị Hiền    | Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát     |
| Bà Phạm Hồng Thảo   | Chức vụ: Thành viên ban Kiểm soát |
| Ông Nguyễn Văn Công | Chức vụ: Thành viên ban Kiểm soát |

### **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc do HDQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo chiến lược, kế hoạch đã được HDQT và ĐHĐCD thông qua. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 02 thành viên:

|                     |                            |
|---------------------|----------------------------|
| Ông Thái Bá Hiền    | Chức vụ: Tổng Giám đốc     |
| Ông Nguyễn Văn Thái | Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc |

### **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng của Công ty do HDQT bổ nhiệm, miễn nhiệm. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hoạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty và thực hiện các công việc theo ủy quyền của Giám đốc Công ty

|                      |                         |
|----------------------|-------------------------|
| Bà Trần Thị Thu Hoài | Chức vụ: Kế toán trưởng |
|----------------------|-------------------------|

## ← Các phòng ban khác

### ➤ Phòng Hành chính nhân sự

Phòng hành chính nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng giám đốc Công ty.

### ➤ Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Tổng giám đốc.

### ➤ Phòng Kinh doanh

Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Tổng Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty:

- Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Tổng Giám đốc xem xét phê duyệt.

- Tìm hiểu thông tin về nhu cầu thị trường, yêu cầu về chất lượng, giá cả, thời hạn giao hàng, phương thức giao nhận hàng và thanh toán.
- Dự thảo và lập các hợp đồng kinh tế.
- Theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng, phản ánh kịp thời các sự cố, xử lý hoặc đề xuất xử lý kịp thời các sự cố trong quá trình hợp đồng kể từ khi thương thảo dự thảo hợp đồng, ký kết hợp đồng, thực hiện đến khi kết thúc thanh lý hợp đồng.
- Tổ chức giới thiệu Công ty thông qua các hình thức chào hàng, quảng cáo, tham gia hội chợ triển lãm, thăm dò ý kiến khách hàng về chất lượng sản phẩm.
- Phối hợp với phòng Kỹ thuật – Điều hành sản xuất theo dõi tiến độ sản xuất, điều xuất hàng cho phù hợp với tình hình kinh doanh.

#### ➤ Phòng Đầu tư dự án

- Tổ chức lập đề án, đánh giá hiệu quả và xây dựng lộ trình thực hiện các dự án trong hạng mục đầu tư của Công ty từ giai đoạn chuẩn bị cho đến khi dự án đi vào hoạt động. Quản lý và đánh giá hiệu quả thực tế của từng dự án khi đi vào hoạt động, báo cáo và tham mưu trực tiếp cho Ban Tổng Giám đốc phê duyệt theo từng giai đoạn triển khai.
- Tổ chức quản lý, cân đối và phân bổ nguồn tài chính cho các dự án. Theo dõi và đánh giá hiệu quả của từng hạng mục đầu tư. Đảm bảo các loại tài sản của doanh nghiệp được kiểm soát được sử dụng một cách hợp lý và sinh lợi.

#### ➤ Phòng Kiểm tra an toàn và Quản lý thiết bị

- Tổ chức thực hiện cung ứng vật tư, nguyên liệu, đảm bảo đáp ứng đầy đủ, đúng tiến độ cho các yêu cầu sản xuất và các yêu cầu khác của Công ty.
- Tổ chức triển khai sản xuất theo các yêu cầu của hợp đồng - đơn đặt hàng thông qua kế hoạch sản xuất được Ban Tổng giám đốc duyệt thực hiện.
- Tổ chức công tác kiểm soát và quản lý các kho bãi của Công ty.
- Quản lý chất lượng sản phẩm, kiểm soát và đánh giá chất lượng vật tư, thiết bị sản xuất phù hợp nhu cầu sử dụng.
- Xây dựng và cung cấp các tài liệu kỹ thuật sản xuất.
- Đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, triển khai sản xuất sản phẩm mới.
- Huấn luyện, nâng cao trình độ cán bộ kỹ thuật, công nhân.
- Tham mưu Ban Tổng giám đốc các vấn đề liên quan kỹ thuật và các vấn đề về tổ chức hoạt động sản xuất.

**Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

| STT                      | Họ và tên         | Chức vụ                                  |
|--------------------------|-------------------|--|
| <b>Hội đồng quản trị</b> |                   |  |
| 1                        | Nguyễn Tuấn Nhã   | Chủ tịch Hội đồng quản trị               |
| 2                        | Thái Bá Hiền      | Thành viên HDQT – Kiêm Tổng Giám đốc     |
| 3                        | Lê Thanh Tân      | Thành viên HDQT                          |
| 4                        | Nguyễn Văn Dinh   | Thành viên HDQT                          |
| 5                        | Nguyễn Văn Thái   | Thành viên HDQT – Kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| <b>Ban kiểm soát</b>     |                   |  |
| 1                        | Đỗ Thị Hiền       | Trưởng ban Kiểm soát                     |
| 2                        | Phạm Hồng Thảo    | Thành viên ban Kiểm soát                 |
| 3                        | Nguyễn Văn Công   | Thành viên ban Kiểm soát                 |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b> |                   |  |
| 1                        | Thái Bá Hiền      | Thành viên HDQT – Kiêm Tổng Giám đốc     |
| 2                        | Nguyễn Văn Thái   | Thành viên HDQT – Kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| <b>Kế toán trưởng</b>    |                   |  |
| 1                        | Trần Thị Thu Hoài | Kế toán trưởng                           |

## Hội đồng quản trị

| <b>Họ và tên</b>                        | <b>: NGUYỄN TUẤN NHÃ</b>            |   |  |
|---|-------------------------------------|---|--|
| Ngày tháng năm sinh                     |                                     | : 15/03/1962  |  |
| Số CMND/Hộ chiếu                        |                                     | : 095146921 do CA Bắc Kan cấp ngày 23/04/2007               |  |
| Quốc tịch                               |                                     | : Việt Nam  |  |
| Dân tộc                                 |                                     | : Tày   |  |
| Quê quán                                |                                     | : xã Vũ Lăng – huyện Bắc Sơn – tỉnh Lạng Sơn                |  |
| Địa chỉ thường trú                      |                                     | : Số 9, Phường Phùng Chí Kiên, thị xã Bắc Kan, tỉnh Bắc Kan |  |
| Số điện thoại liên lạc                  |                                     | :   |  |
| Trình độ văn hóa                        |                                     | : 12/12   |  |
| Trình độ chuyên môn                     |                                     | : Cử nhân kinh tế   |  |
| Quá trình công tác                      |                                     | :   |  |
| <b>Thời gian</b>                        | <b>Nơi công tác</b>                 | <b>Chức vụ</b>  |  |
| Từ 2001-2010                            | Công ty Cổ phần kiến trúc Bắc Kan   | Phó Giám đốc  |  |
| Từ 2010-2012                            | TCT Cổ phần khoáng sản Na Rì Hamico | Trưởng phòng Vật tư xe máy                                  |  |
| Từ 01/2013 - nay                        | Công ty CP luyện kim Phú Thịnh      | Chủ tịch HĐQT   |  |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết   |                                     | : Chủ tịch HĐQT   |  |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác          |                                     | : Thành viên HĐQT Công ty CP dầu khí khoáng sản Tây Bắc     |  |
| Tổng số cổ phần nắm giữ                 |                                     | :   |  |
| + Số cổ phần đại diện                   |                                     | : 0 cổ phần   |  |
| + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân       |                                     | : 2.000 cổ phần   |  |
| Hành vi vi phạm pháp luật               |                                     | : Không   |  |
| Các khoản nợ đối với Công ty            |                                     | : Không   |  |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty       |                                     | : Không   |  |
| Số cổ phần của những người có liên quan |                                     | : 0   |  |

|   |  |                                      |
|---|--|--------------------------------------|
| <b>Họ và tên</b>                        | <b>: THÁI BÁ HIỀN</b>                                      |                                      |
| Ngày tháng năm sinh                     | : 01/12/1952   |                                      |
| Số CMND/Hộ chiếu                        | : 090467556 do CAThái Nguyên cấp ngày 20/10/2005           |                                      |
| Quốc tịch                               | : Việt Nam   |                                      |
| Dân tộc                                 | : Kinh   |                                      |
| Quê quán                                | : xã Linh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An                 |                                      |
| Địa chỉ thường trú                      | : Tô 16, phường Tân Lập, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên |                                      |
| Số điện thoại liên lạc                  | :  |                                      |
| Trình độ văn hóa                        | : 12/12  |                                      |
| Trình độ chuyên môn                     | : Cao cấp chính trị và trung cấp chế tạo cơ khí            |                                      |
| Quá trình công tác                      | :  |                                      |
| <b>Thời gian</b>                        | <b>Nơi công tác</b>  | <b>Chức vụ</b>                       |
| T12/1973 - T10/2004                     | Nhà máy cơ khí 19/5 - Công ty khoáng sản Vinacovim         | Trưởng phòng và Phó Giám đốc         |
| T11/2004 - T12/2011                     | Công ty Liên doanh công nghiệp kẽm Việt Thái               | Phó Tổng Giám đốc                    |
| T1/2012 - T4/2012                       | Nghỉ hưu   |                                      |
| T5/2012 - nay                           | Công ty cổ phần luyện kim Phú Thịnh                        | Thành viên HĐQT – Kiêm Tổng Giám đốc |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết   | : Thành viên HĐQT<br>– Kiêm Tổng Giám đốc                  |                                      |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác          | : Không  |                                      |
| Tổng số cổ phần nắm giữ                 | :  |                                      |
| + Số cổ phần đại diện                   | : 0 cổ phần  |                                      |
| + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân       | : 50.000 cổ phần   |                                      |
| Hành vi vi phạm pháp luật               | : Không  |                                      |
| Các khoản nợ đối với Công ty            | : Không  |                                      |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty       | : Không  |                                      |
| Số cổ phần của những người có liên quan | : 0  |                                      |

**Họ và tên** : LÊ THANH TÂN  
**Ngày tháng năm sinh** : 02/03/1948  
**Số CMND/Hộ chiếu** : 120775973 do CA Bắc Giang cấp ngày 23/10/2009  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Dân tộc** : Kinh  
**Quê quán** : Yên Sơn - Lục Nam - Bắc Giang  
**Địa chỉ thường trú** : Yên Sơn - Lục Nam - Bắc Giang  
**Số điện thoại liên lạc** :  
**Trình độ văn hóa** : 12/12  
**Trình độ chuyên môn** : Trung cấp  
**Quá trình công tác** :

| <b>Thời gian</b>                      | <b>Nơi công tác</b>                  | <b>Chức vụ</b>   |
|---------------------------------------|--------------------------------------|--|
| 1972 – 1976                           | Liên đoàn địa chất IV Nghệ An        | Chuyên viên địa chất                                   |
| 1977 - 2005                           | Liên đoàn địa chất I Thái Nguyên     | Phó giám đốc   |
| 2008 – 05/2012                        | Công ty CP đầu tư khoáng sản Tây Bắc | Cán bộ kỹ thuật  |
| 06/2012 - nay                         | Công ty CP luyện kim Phú Thịnh       | Thành viên HĐQT  |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết |                                      | : Thành viên HĐQT                                      |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác        |                                      | : Thành viên HDQT Công ty CP đầu tư khoáng sản Tây Bắc |

Tổng số cổ phần nắm giữ :  
+ Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần  
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
Các khoản nợ đối với Công ty : Không  
Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không  
Số cổ phần của những người có liên quan : 0

|   |  |                 |
|---|--|-----------------|
| <b>Họ và tên</b>                        | <b>: NGUYỄN VĂN DINH</b>                   |                 |
| Ngày tháng năm sinh                     | : 07/05/1964                               |                 |
| Số CMND/Hộ chiếu                        | : 162164236 do CA Nam Định ngày 16/12/1995 |                 |
| Quốc tịch                               | : Việt Nam                                 |                 |
| Dân tộc                                 | : Kinh                                     |                 |
| Quê quán                                | : Yên Thành, Ý Yên, Nam Định               |                 |
| Địa chỉ thường trú                      | : Yên Thành, Ý Yên, Nam Định               |                 |
| Số điện thoại liên lạc                  | :  |                 |
| Trình độ văn hóa                        | : 12/12                                    |                 |
| Trình độ chuyên môn                     | : Trung cấp                                |                 |
| Quá trình công tác                      | :  |                 |
| <b>Thời gian</b>                        | <b>Nơi công tác</b>                        | <b>Chức vụ</b>  |
| 1982 - 1991                             | Quân khu I                                 | Bộ đội          |
| 1991 - 2008                             | Sở xây dựng Đắc Lắc                        | Chuyên viên     |
| 2008 – 04/2012                          | Công ty CP đầu tư khoáng sản Tây Bắc       | Cán bộ kỹ thuật |
| T5/2012 - nay                           | Công ty CP Luyện kim Phú Thịnh             | Thành viên HĐQT |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết   | :  | Thành viên HĐQT |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác          | :  | Không           |
| Tổng số cổ phần nắm giữ                 |  |                 |
| + Số cổ phần đại diện                   | :  | 0 cổ phần       |
| + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân       | :  | 10.000 cổ phần  |
| Hành vi vi phạm pháp luật               | :  | Không           |
| Các khoản nợ đối với Công ty            | :  | Không           |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty       | :  | Không           |
| Số cổ phần của những người có liên quan | :  | 0               |

|  |   |   |
|--|---|---|
| <b>Họ và tên</b>                           | : NGUYỄN VĂN THÁI   |   |
| Ngày tháng năm sinh                        | : 01/02/1986  |   |
| Số CMND/Hộ chiếu                           | : 142199310 do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 23/10/2001 |   |
| Quốc tịch                                  | : Việt Nam  |   |
| Dân tộc                                    | : Kinh  |   |
| Quê quán                                   | : Phạm Kha - Thanh Miện - Hải Dương                       |   |
| Địa chỉ thường trú                         | : Phạm Kha - Thanh Miện - Hải Dương                       |   |
| Số điện thoại liên lạc                     | :   |   |
| Trình độ văn hóa                           | : 12/12   |   |
| Trình độ chuyên môn                        | : Kỹ sư địa chất  |   |
| Quá trình công tác                         | :   |   |
| <b>Thời gian</b>                           | <b>Nơi công tác</b>                                       | <b>Chức vụ</b>                                |
| Từ 2010–<br>04/2012                        | Công ty CP đầu tư khoáng sản<br>Tây Bắc                   | Cán bộ kỹ thuật                               |
| Từ 05/2012 - nay                           | Công ty CP luyện kim Phú<br>Thịnh                         | Thành viên HDQT –<br>Kiêm Phó Tổng Giám đốc   |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm<br>yết   | :   | : Thành viên HDQT<br>- Kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác             | : Không   |   |
| Tổng số cổ phần nắm giữ                    | :   |   |
| + Số cổ phần đại diện                      | : 0 cổ phần   |   |
| + Số cổ phần thuộc sở hữu cá<br>nhân       | : 20.000 cổ phần  |   |
| Hành vi vi phạm pháp luật                  | : Không   |   |
| Các khoản nợ đối với Công ty               | : Không   |   |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty          | : Không   |   |
| Số cổ phần của những người có<br>liên quan | : Nguyễn Văn Đoan - Em trai: 10.000 cp                    |   |

**Ban Kiểm soát**

| <b>Họ và tên</b>                           | <b>: ĐÔNG THỊ HIỀN</b>          |   |
|--|---------------------------------|---|
| Ngày tháng năm sinh                        |                                 | : 12/04/1985  |
| Số CMND/Hộ chiếu                           |                                 | : 091016739 do CA Thái Nguyên cấp<br>ngày 19/04/2011                |
| Quốc tịch                                  |                                 | : Việt Nam  |
| Dân tộc                                    |                                 | : Kinh  |
| Quê quán                                   |                                 | : Cù Văn - Đại Từ - Thái Nguyên                                     |
| Địa chỉ thường trú                         |                                 | : Tô 8 phường Phùng Chí Kiên thị xã<br>Bắc Kạn                      |
| Số điện thoại liên lạc                     |                                 | :   |
| Trình độ văn hóa                           |                                 | : 12/12   |
| Trình độ chuyên môn                        |                                 | : Trung cấp kế toán do Trường Cao đẳng<br>Thương mại và du lịch cấp |
| Quá trình công tác                         |                                 | :   |
| <b>Thời gian</b>                           | <b>Nơi công tác</b>             | <b>Chức vụ</b>  |
| Từ 2007 - 2009                             | Công ty CP khoáng sản sơn Trang | Kế toán   |
| Từ 2009 –<br>4/2012                        | Công ty TNHH Hà Bắc             | Kế Toán   |
| Từ 5/2012 - nay                            | Công ty CP luyện kim Phú Thịnh  | Trưởng BKS  |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết      |                                 | : Trưởng BKS  |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác             |                                 | : Không   |
| Tổng số cổ phần nắm giữ                    |                                 | :   |
| + Số cổ phần đại diện                      |                                 | : 0 cổ phần   |
| + Số cổ phần thuộc sở hữu cá<br>nhân       |                                 | : 10.000 cổ phần  |
| Hành vi vi phạm pháp luật                  |                                 | : Không   |
| Các khoản nợ đối với Công ty               |                                 | : Không   |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty          |                                 | : Không   |
| Số cổ phần của những người có liên<br>quan |                                 | : 0   |

|   |                                 |  |
|---|---------------------------------|--|
| <b>Họ và tên</b>                        | <b>: PHẠM HỒNG THẢO</b>         |  |
| Ngày tháng năm sinh                     |                                 | : 04/08/1987   |
| Số CMND/Hộ chiếu                        |                                 | : 091505284 do Công an Thái Nguyên cấp ngày 14/08/2004                 |
| Quốc tịch                               |                                 | : Việt Nam   |
| Dân tộc                                 |                                 | : Kinh   |
| Quê quán                                |                                 | : Cù Văn - Đại Từ - Thái Nguyên  |
| Địa chỉ thường trú                      |                                 | : Cù Văn - Đại Từ - Thái Nguyên  |
| Số điện thoại liên lạc                  |                                 | :  |
| Trình độ văn hóa                        |                                 | : 12/12  |
| Trình độ chuyên môn                     |                                 | : Trung cấp tài chính  |
| Quá trình công tác                      |                                 | :  |
| <b>Thời gian</b>                        | <b>Nơi công tác</b>             | <b>Chức vụ</b>   |
| Từ 2010 – 03/2012                       | TCTy CP khoáng sản Na Rì Hamico | Trưởng phòng Vật tư  |
| Từ 5/2012 - nay                         | Cty Cp luyện kim Phú Thịnh      | Thành viên BKS   |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết   |                                 | : Thành viên BKS   |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác          |                                 | : Không  |
| Tổng số cổ phần nắm giữ                 |                                 | :  |
| + Số cổ phần đại diện                   |                                 | : 0 cổ phần  |
| + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân       |                                 | : 5.000 cổ phần  |
| Hành vi vi phạm pháp luật               |                                 | : Không  |
| Các khoản nợ đối với Công ty            |                                 | : Không  |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty       |                                 | : Không  |
| Số cổ phần của những người có liên quan |                                 | : Phạm Hồng Thịnh - Em trai: 1.000 cp<br>Ma Văn Toàn - Chồng: 1.000 cp |

|  |   |                         |
|--|---|-------------------------|
| <b>Họ và tên</b>                           | : NGUYỄN VĂN CÔNG                                       |                         |
| Ngày tháng năm sinh                        | : 01/10/1986  |                         |
| Số CMND/Hộ chiếu                           | : 121605318 do CA tỉnh Bắc Giang cấp<br>ngày 27/11/2007 |                         |
| Quốc tịch                                  | : Việt Nam  |                         |
| Dân tộc                                    | : Kinh  |                         |
| Quê quán                                   | : Thôn Xuân Tiến, Tự Lạn, Việt Yên,<br>Bắc Giang        |                         |
| Dịa chỉ thường trú                         | : Thôn Xuân Tiến, Tự Lạn, Việt Yên,<br>Bắc Giang        |                         |
| Số điện thoại liên lạc                     | :   |                         |
| Trình độ văn hóa                           | : 12/12   |                         |
| Trình độ chuyên môn                        | : Trung cấp xăng dầu                                    |                         |
| Quá trình công tác                         | :   |                         |
| <b>Thời gian</b>                           | <b>Nơi công tác</b>                                     | <b>Chức vụ</b>          |
| Từ 2009-2/2010                             | Công ty cp đầu tư khoáng sản Tây<br>Bắc                 | Cán bộ kỹ thuật         |
| Từ 03/2010 -<br>nay                        | Công ty CP luyện kim Phú Thịnh                          | TP kỹ thuật – TV<br>BKS |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm<br>yết   | : Trưởng phòng kỹ thuật, và thành viên<br>BKS           |                         |
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác             | : Khác  |                         |
| Tổng số cổ phần nắm giữ                    | :   |                         |
| + Số cổ phần đại diện                      | : 0 cổ phần   |                         |
| + Số cổ phần thuộc sở hữu cá<br>nhân       | : 15.000 cổ phần  |                         |
| Hành vi vi phạm pháp luật                  | : Không   |                         |
| Các khoản nợ đối với Công ty               | : Không   |                         |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty          | : Không   |                         |
| Số cổ phần của những người có<br>liên quan | : Nguyễn Thị Hoa - Vợ: 500.000 cp                       |                         |

**Ban Tổng Giám đốc**

**Họ và tên** : THÁI BÁ HIỀN

Sơ yếu lý lịch như trên

**Họ và tên** : NGUYỄN VĂN THÁI

Sơ yếu lý lịch như trên

**Kế toán trưởng**

**Họ và tên** : TRẦN THỊ THU HOÀI

Ngày tháng năm sinh : 12/02/1982

Số CMND/Hộ chiếu : 090754142 do CA Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 8/1/1997

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Tổ 15 phường Trung Thành, TP. Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú : Tổ 15, phường Trung Thành, Tp. Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc :

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

| Thời gian                         | Nơi công tác                     | Chức vụ           |
|-----------------------------------|----------------------------------|-------------------|
| Từ 2003 - 2009                    | Công ty CP Nhật Anh              | Kế toán trưởng    |
| Từ 2010 - T9/2011                 | Doanh nghiệp TN Cao Ngọc Nguyên  | Kế toán trưởng    |
| Từ T10/2011- T3/2012              | BDH Dự án 11A - Công ty Thành An | Kế toán Tài chính |
| Từ T4/2012 - nay                  | Công ty CP Luyện kim Phú Thịnh   | Kế toán trưởng    |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm | : Kế toán trưởng                 |                   |

yết

|   |                  |
|---|------------------|
| Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác          | : Không          |
| Tổng số cổ phần nắm giữ                 |                  |
| + Số cổ phần đại diện                   | : 0 cổ phần      |
| + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân       | : 10.000 cổ phần |
| Hành vi vi phạm pháp luật               | : Không          |
| Các khoản nợ đối với Công ty            | : Không          |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty       | : Không          |
| Số cổ phần của những người có liên quan | : 0              |

#### Chính sách đối với người lao động

##### a. Số lượng người lao động trong công ty

Tính đến thời điểm 30/12/2013, tổng số lao động của Công ty là 175 người, với cơ cấu trình độ được thể hiện trong bảng sau:

| Yếu tố                               | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%)   |
|--------------------------------------|------------------|-------------|
| <b>Tổng số lượng nhân viên</b>       | <b>175</b>       | <b>100%</b> |
| <i>Phân theo trình độ chuyên môn</i> |                  |             |
| - Đại học và trên đại học            | 19               | 11,11%      |
| - Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp  | 43               | 24%         |
| - Công nhân kỹ thuật                 | 113              | 63 %        |
| <i>Phân theo thời hạn hợp đồng</i>   |                  |             |
| - Không xác định                     | 25               | 14%         |
| - Có thời hạn                        | 150              | 86%         |

Nguồn: Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

##### b. Chính sách đối với người lao động

###### ❖ Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày từ thứ 2 đến thứ 6, từ 7h00-11h00 thứ bảy hàng tuần. Nếu Công ty có yêu cầu người lao động làm thêm giờ thì người lao động sẽ được bố trí nghỉ bù hoặc thanh toán tiền lương và phụ cấp theo quy định của Nhà nước.

- ◆ **Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.
- ◆ **Đảm bảo việc làm cho người lao động:** Để giải quyết việc làm cho gần 200 lao động, Ban Tổng Giám đốc công ty đã có những biện pháp như luôn tích cực, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp cận thị trường, đề ra những biện pháp đổi mới trong sản xuất kinh doanh, tăng cường mối quan hệ với các đơn vị trong và ngoài nước nhằm tìm các đối tác thích hợp, mở rộng SXKD đảm bảo cho người lao động có việc làm liên tục, ổn định và nâng cao đời sống.
- ◆ **Nghỉ phép, lễ, Tết:** Nhân viên được nghỉ lễ và Tết 8 ngày theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Người lao động có thể nghỉ phép 01 lần trong năm hoặc trải đều các tháng trong năm. Thời gian nghỉ phép năm được kéo dài đến hết quý 1 năm sau.
- ◆ **Nghỉ ốm, thai sản:** Công ty thực hiện đúng các quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các quy định hiện hành khác của Nhà nước về nghỉ ốm. Thời gian nghỉ thai sản là 04 tháng theo quy định và được hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội thay lương. Công ty vẫn thực hiện chi trả lương cho người lao động khi người lao động nghỉ làm việc trong thời gian bị ốm đau, thai sản (nằm ngoài chế độ bảo hiểm do nhà nước chi trả).

#### ❖ **Chính sách lương, thưởng và phúc lợi**

- ◆ **Chế độ lương:** Công ty thực hiện việc chi trả lương theo quy định của Luật lao động và thang bảng lương của Công ty.
- ◆ **Chế độ thưởng:** Nhằm khích lệ động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào kết quả chung, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Ngoài tiền lương, CBCNV trong Công ty được thưởng thêm tháng lương thứ 13 và được trích khen thưởng từ quỹ lương của Công ty theo năng suất mà người lao động đã đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch năm.
- ◆ **Bảo hiểm và phúc lợi:** Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm bắt buộc cho tất cả CBCNV theo quy định của Nhà Nước. Nhân viên Công ty khi gặp khó khăn đột xuất, ma chay, hiếu hi hay đau ốm, thành hôn ... đều được Công đoàn quan tâm thăm hỏi và giúp đỡ.

❖ **Tổ chức công đoàn:** Công đoàn công ty hoạt động khá hiệu quả tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Công ty thường xuyên thực hiện khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt, chi thưởng cho CBCNV vào các dịp lễ Tết, ... Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát 1 lần từ 4-5 ngày và không bị trừ ngày phép năm.

❖ **Chính sách tuyển dụng và đào tạo**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...
- Tiến hành đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, quản lý hiện đại để tận thu nguồn tài nguyên, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tăng cường liên kết với các tổ chức tài chính, các tổ chức ngân hàng để tăng nguồn vốn khi cần thiết. Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện mới/hội nhập.

## VIII. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

| STT                      | Họ và tên       | Chức vụ                              |
|--------------------------|-----------------|--------------------------------------|
| <b>Hội đồng quản trị</b> |                 |                                      |
| 1                        | Nguyễn Tuấn Nhã | Chủ tịch Hội đồng quản trị           |
| 2                        | Thái Bá Hiển    | Thành viên HĐQT – Kiêm Tổng Giám đốc |

|                      |                 |  |
|----------------------|-----------------|--|
| 3                    | Lê Thanh Tân    | Thành viên HĐQT                          |
| 4                    | Nguyễn Văn Dinh | Thành viên HĐQT                          |
| 5                    | Nguyễn Văn Thái | Thành viên HĐQT – Kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| <b>Ban kiểm soát</b> |                 |  |
| 1                    | Đồng Thị Hiền   | Trưởng ban Kiểm soát                     |
| 2                    | Phạm Hồng Thảo  | Thành viên ban Kiểm soát                 |
| 3                    | Nguyễn Văn Công | Thành viên ban Kiểm soát                 |

Năm 2013, HĐQT đã quản lý và chỉ đạo điều hành Công ty tuân thủ theo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và tổ chức triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Các hoạt động cụ thể:

- + Triển khai việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đến Ban Tổng giám đốc và các bộ phận trong toàn Công ty;
- + Tiếp tục thống nhất và phân công nhiệm vụ của từng thành viên theo từng lĩnh vực và mang công việc cụ thể nhằm phát huy tối đa thế mạnh của từng cá nhân và nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý điều hành của HĐQT;
- + Sửa đổi Quy chế trả lương áp dụng đối với CBCNV toàn Công ty cho phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và Quy định của pháp luật hiện hành;
- + Hàng tuần HĐQT thường xuyên cử người tham dự đầy đủ các buổi họp giao ban cùng trưởng các bộ phận để nắm bắt kết quả xử lý công việc của từng phòng ban, bộ phận quản lý cũng như trực tiếp có ý kiến chỉ đạo, góp ý để kịp thời giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quản lý điều hành của Ban TGĐ nhằm điều hành hoạt động của Công ty hàng ngày theo đúng định hướng và mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;
- + Hàng quý trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch quý trước, xác định nguyên nhân tồn tại để đưa ra các giải pháp khắc phục và giao kế hoạch sản xuất quý sau;
- + Ban hành các Nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành, đầu tư, dịch vụ... và các Quyết định về chỉ đạo thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh, quản lý, đầu tư;
- + Chỉ đạo hoàn thành việc xây dựng Nội quy Công ty và cho ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban. Hướng dẫn, chỉ đạo việc bổ sung và chỉnh sửa Quy chế hoạt động tài chính của Công ty cho phù hợp với quy định của luật pháp hiện hành;
- + Bàn bạc với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

**Trong năm 2013 Ban Kiểm soát đã thực hiện các hoạt động sau:**

- + Phân công nhiệm vụ giữa các thành viên trong Ban Kiểm soát; thường xuyên tổ chức họp để trao đổi kế hoạch công việc về chuyên môn nghiệp vụ giữa các thành viên Ban Kiểm soát;
- + Tham gia các buổi họp giao ban của Ban Lãnh đạo Công ty về kế hoạch kinh doanh hàng tuần, tháng, quý, năm và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- + Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, sản xuất, kinh doanh của phòng tài chính kế toán cung cấp.
  - + Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị;
  - + Kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán kế toán;
  - + Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty, các bộ phận phòng ban;
  - + Thường xuyên có báo cáo gửi Hội đồng Quản trị kết quả kiểm tra, giám sát;
  - + Kiến nghị các biện pháp sửa đổi, bổ sung các quy định trong quy trình, quy chế để cải tiến các hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật.

#### **Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty**

Năm 2014, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- + Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông;
- + Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCD;
- + Đổi mới chính sách lương thưởng, chính sách nhân viên, cơ chế phân cấp phân quyền, cải cách thủ tục hành chính;
- + Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty;
- + Tăng cường công tác đào tạo nội bộ và cử cán bộ đi học nâng cao nghiệp vụ;
- + Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của toàn thể CBCNV trong Công ty;

## IX. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CÔNG TY

### Cơ cấu cổ đông

| STT | CỔ ĐÔNG            | GIÁ TRỊ VỐN GÓP<br>(đồng) | SỐ CỔ PHẦN<br>SỞ HỮU | SỐ LƯỢNG<br>CỔ ĐÔNG | TỶ LỆ<br>SỞ HỮU |
|-----|--------------------|---------------------------|----------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Cổ đông nhà nước   | 0                         | 0                    | 0                   | 0%              |
| 2   | Cổ đông trong nước |                           |                      |                     |                 |
|     | - Cá nhân          | 216.000.000.000           | 21.600.000           | 193                 | 100%            |
|     | - Tổ chức          | 0                         | 0                    | 0                   | 0%              |
| 3   | Cổ đông nước ngoài |                           |                      |                     |                 |
|     | - Cá nhân          |                           |                      |                     |                 |
|     | - Tổ chức          |                           |                      |                     |                 |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>216.000.000.000</b>    | <b>21.600.000</b>    | <b>193</b>          | <b>100%</b>     |

### Cổ đông nội bộ

| STT  | TÊN CỔ ĐÔNG              | SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU (CP) | TỶ LỆ<br>SỞ HỮU |
|------|--------------------------|------------------------|-----------------|
| I.   | <i>Hội đồng quản trị</i> |                        |                 |
| 1    | Nguyễn Tuấn Nhã          | 2.000                  | 0,009%          |
| 2    | Thái Bá Hiền             | 50.000                 | 0,23%           |
| 3    | Lê Thanh Tân             | 10.000                 | 0,05%           |
| 4    | Nguyễn Văn Dinh          | 10.000                 | 0,05%           |
| 5    | Nguyễn Văn Thái          | 20.000                 | 0,09%           |
| II.  | <i>Ban Kiểm Soát</i>     |                        |                 |
| 1    | Đồng Thị Hiền            | 10.000                 | 0,05%           |
| 2    | Phạm Hồng Thảo           | 5.000                  | 0,02%           |
| 3    | Nguyễn Văn Công          | 15.000                 | 0,07%           |
| III. | <i>Ban Tổng giám đốc</i> |                        |                 |
| 1    | Thái Bá Hiền             | 50.000                 | 0,23%           |
| 2    | Nguyễn Văn Thái          | 20.000                 | 0,09%           |
| IV.  | <i>Kế toán trưởng</i>    |                        |                 |
| 1    | Trần Thị Thu Hoài        | 10.000                 | 0,05%           |
| V.   | <b>TỔNG CỘNG</b>         | <b>250.000</b>         | <b>1,16%</b>    |

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN TUẤN NHÃ

**CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

## MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u>                               | <u>TRANG</u> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC                      | 1            |
| BÁO CÁO KIÊM TOÁN                             | 2 - 3        |
| BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT                 | 4 - 5        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 6            |
| BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT           | 7            |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT        | 8 - 24       |

**CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH**

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Luyện kim Phú thịnh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty trong suốt giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

|                     |          |
|---------------------|----------|
| Ông Nguyễn Tuấn Nhã | Chủ tịch |
| Ông Thái Bá Hiền    | Ủy viên  |
| Ông Lê Thanh Tân    | Ủy viên  |
| Ông Nguyễn Văn Định | Ủy viên  |
| Ông Nguyễn Văn Thái | Ủy viên  |

**Ban Giám đốc**

|                     |                   |
|---------------------|-------------------|
| Ông Thái Bá Hiền    | Tổng Giám đốc     |
| Ông Nguyễn Văn Thái | Phó Tổng Giám đốc |

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Thái Bá Hiền

Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 03 năm 2014



Số: 61/2014/AEA-TC-NV4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của  
Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, từ trang 03 đến trang 24 kèm theo của Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh (sau đây gọi là "Công ty").

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Hữu Đông  
Tổng Giám đốc  
Số Giấy chứng nhận đăng ký  
hành nghề kiểm toán số: 0140-2013-43-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG Á**  
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2014



Vũ Đức Thắng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy chứng nhận đăng ký  
hành nghề kiểm toán số: 0307-2013-43-1

**BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                       | Thuyết minh | Cuối năm               | Đầu năm                |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>100</b> | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                       |             |                        |                        |
| 110        | Tiền và các khoản tương đương tiền            | V.1         | 17.115.171.795         | 11.622.636.220         |
| 111        | Tiền  |             | 17.115.171.795         | 11.622.636.220         |
| 112        | Các khoản tương đương tiền                    |             | -                      | -                      |
| <b>120</b> | <b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>    |             |                        |                        |
| 121        | Đầu tư ngắn hạn                               |             | -                      | -                      |
| 129        | Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn |             | -                      | -                      |
| <b>130</b> | <b>Phải thu ngắn hạn</b>                      |             | <b>36.187.165.536</b>  | <b>49.636.317.461</b>  |
| 131        | Phải thu khách hàng                           | V.2         | 35.918.176.178         | 47.354.576.178         |
| 132        | Trả trước cho người bán                       | V.3         | 264.000.525            | 2.276.752.450          |
| 135        | Các khoản phải thu khác                       | V.4         | 4.988.833              | 4.988.833              |
| 139        | Dự phòng các khoản phải thu khó đòi           |             | -                      | -                      |
| <b>140</b> | <b>Hàng tồn kho</b>                           | V.5         | <b>9.988.769.579</b>   | <b>3.410.777.481</b>   |
| 141        | Hàng tồn kho                                  |             | 9.988.769.579          | 3.410.777.481          |
| 149        | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                |             | -                      | -                      |
| <b>150</b> | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                  |             | <b>6.649.462.050</b>   | <b>4.470.536.562</b>   |
| 151        | Chi phí trả trước ngắn hạn                    |             | -                      | -                      |
| 152        | Thuế GTGT được khấu trừ                       |             | 649.462.050            | 270.536.562            |
| 154        | Thuế và các khoản phải thu nhà nước           |             | -                      | -                      |
| 158        | Tài sản ngắn hạn khác                         | V.6         | 6.000.000.000          | 4.200.000.000          |
| <b>200</b> | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                        |             | <b>246.636.328.321</b> | <b>246.424.949.758</b> |
| <b>210</b> | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>             |             | -                      | -                      |
| <b>220</b> | <b>Tài sản cố định</b>                        |             | <b>8.976.388.020</b>   | <b>8.803.744.391</b>   |
| 221        | Tài sản cố định hữu hình                      | V.7         | 5.240.965.848          | 5.291.049.492          |
| 222        | Nguyên giá                                    |             | 6.107.222.425          | 5.642.348.789          |
| 223        | Giá trị hao mòn lũy kế                        |             | (866.256.577)          | (351.299.297)          |
| 230        | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang               | V.8         | 3.735.422.172          | 3.512.694.899          |
| <b>240</b> | <b>Bất động sản đầu tư</b>                    |             | -                      | -                      |
| <b>250</b> | <b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>     |             | <b>237.500.000.000</b> | <b>237.500.000.000</b> |
| 252        | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh       | V.9         | 237.500.000.000        | 237.500.000.000        |
| <b>260</b> | <b>Tài sản dài hạn khác</b>                   |             | <b>159.940.301</b>     | <b>121.205.367</b>     |
| 261        | Chi phí trả trước dài hạn                     |             | 1.023.895              | -                      |
| 262        | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                |             | 70.622.180             | 70.622.180             |
| 268        | Tài sản dài hạn khác                          |             | 88.294.226             | 50.583.187             |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      |             | <b>316.576.897.281</b> | <b>315.565.217.482</b> |

**BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
 Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN                           | Thuyết minh | Cuối năm        | Đầu năm         |
|-------|-------------------------------------|-------------|-----------------|-----------------|
| 300   | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                  |             | 83.416.902.515  | 82.615.765.511  |
| 310   | Nợ ngắn hạn                         |             | 83.416.902.515  | 82.615.765.511  |
| 311   | Vay và nợ ngắn hạn                  |             | 10.000.000.000  | -               |
| 312   | Phải trả người bán                  | V.10        | 66.998.882.012  | 75.523.943.011  |
| 313   | Người mua trả tiền trước            |             | -               | -               |
| 314   | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.11        | 4.634.818.673   | 6.011.726.034   |
| 323   | Quỹ khen thưởng phúc lợi            |             | 1.783.201.830   | 1.080.096.466   |
| 330   | Nợ dài hạn                          |             | -               | -               |
| 400   | <b>NGUỒN VỐN</b>                    |             | 233.159.994.766 | 232.949.451.971 |
| 410   | <b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>         | V.12        | 233.159.994.766 | 232.949.451.971 |
| 411   | Vốn đầu tư của chủ sở hữu           |             | 216.000.000.000 | 216.000.000.000 |
| 417   | Quỹ đầu tư phát triển               |             | 13.332.982.284  | 1.132.896.466   |
| 418   | Quỹ Dự phòng tài chính              |             | 2.091.458.960   | 566.448.233     |
| 420   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối   |             | 1.735.553.522   | 15.250.107.272  |
| 421   | Nguồn vốn đầu tư XDCB               |             | -               | -               |
| 430   | Nguồn kinh phí và quỹ khác          |             | -               | -               |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>          |             | 316.576.897.281 | 315.565.217.482 |

Trần Thị Thu Hoài  
 Người lập biểu

Trần Thị Thu Hoài  
 Kế toán trưởng

Thái Bá Hiển  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 24 tháng 03 năm 2014



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

MẪU SỐ B 02-ĐN/HN

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                      | Thuyết minh | Năm nay        | Năm trước       |
|-------|---|-------------|----------------|-----------------|
| 01    | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | VI.1        | 33.035.729.981 | 125.873.474.149 |
| 02    | Các khoản giảm trừ doanh thu                  |             | -              | -               |
| 10    | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV    |             | 33.035.729.981 | 125.873.474.149 |
| 11    | Giá vốn hàng bán                              | VI.2        | 30.491.408.246 | 116.716.114.260 |
| 20    | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ |             | 2.544.321.735  | 9.157.359.889   |
| 21    | Doanh thu hoạt động tài chính                 | VI.3        | 279.122        | 3.839.915.227   |
| 22    | Chi phí tài chính                             | VI.4        | 70.000.000     | -               |
| 23    | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>              |             | 70.000.000     | -               |
| 24    | Chi phí bán hàng                              |             | -              | -               |
| 25    | Chi phí quản lý doanh nghiệp                  |             | 1.034.008.359  | 1.467.648.353   |
| 26    | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh       |             | 1.440.592.498  | 11.529.626.763  |
| 31    | Thu nhập khác                                 |             | -              | -               |
| 32    | Chi phí khác                                  | VI.5        | 62.116.033     | 92.167.376      |
| 40    | Lợi nhuận khác                                |             | (62.116.033)   | (92.167.376)    |
| 50    | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế             |             | 1.378.476.465  | 11.437.459.387  |
| 51    | Chi phí thuế TNDN hiện hành                   | VI.6        | 405.428.306    | 2.324.492.216   |
| 52    | Chi phí thuế TNDN hoàn lại                    |             | -              | -               |
| 60    | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp      |             | 973.048.159    | 9.112.967.171   |
| 70    | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                      | VI.7        | 45             | 478             |



Trần Thị Thu Hoài  
 Người lập biểu

Trần Thị Thu Hoài  
 Kế toán trưởng

Thái Bá Hiền  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 24 tháng 03 năm 2014

**BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp giản tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU   | Năm nay         | Năm trước         |
|-------|--|-----------------|-------------------|
|       | <b>LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>               |                 |                   |
| 01    | <b>Lợi nhuận trước thuế</b><br>Điều chỉnh cho các khoản:     | 1.378.476.465   | 11.437.459.387    |
| 02    | Khấu hao TSCĐ  | 549.059.749     | 99.127.642        |
| 05    | Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư                                   | (279.122)       | (3.839.913.527)   |
| 06    | Chi phí lãi vay  | 70.000.000      | -                 |
| 08    | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ</b>  | 1.997.257.092   | 7.696.673.502     |
| 09    | Tăng giảm các khoản phải thu                                 | 11.270.226.437  | 50.945.144.381    |
| 10    | Tăng giảm hàng tồn kho                                       | (6.577.992.098) | (3.410.777.481)   |
| 11    | Tăng giảm các khoản phải trả                                 | (8.562.772.038) | (9.636.175.459)   |
| 12    | Tăng giảm chi phí trả trước                                  | (1.023.895)     | -                 |
| 13    | Tiền lãi vay đã trả  | (70.000.000)    | -                 |
| 14    | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                            | (1.817.233.888) | (97.173.719)      |
| 16    | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                       | (54.072.621)    | -                 |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>         | (3.815.611.011) | 45.497.691.224    |
|       | <b>LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                   |                 |                   |
| 21    | Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác                | (692.132.536)   | (431.620.000)     |
| 24    | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | -               | 131.500.000.000   |
| 25    | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                      | -               | (237.500.000.000) |
| 27    | Tiền thu lãi cho vay, cố tức và lợi nhuận được chia          | 279.122         | 4.496.860         |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>             | (691.853.414)   | (106.427.123.140) |
|       | <b>LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                |                 |                   |
| 31    | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH         | -               | 60.000.000.000    |
| 33    | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                         | 10.000.000.000  | -                 |
| 40    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>          | 10.000.000.000  | 60.000.000.000    |
| 50    | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                        | 5.492.535.575   | (929.431.916)     |
| 60    | <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                       | 11.622.636.220  | 12.552.068.136    |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ      |                 |                   |
| 70    | <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                      | 17.115.171.795  | 11.622.636.220    |

Trần Thị Thu Hoài  
Người lập biểu

Trần Thị Thu Hoài  
Kế toán trưởng



Thái Bá Hiền  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 03 năm 2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Luyện kim Phú Thịnh là Công ty Cổ phần được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102739992, thay đổi lần thứ 9 ngày 24/8/2012.

Vốn điều lệ của Công ty là 216.000.000.000 đồng được chia làm 21.600.000 cổ phần mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng.

**Hoạt động chính của Công ty là:**

- Kinh doanh bất động sản bao gồm: Đầu tư, xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung, tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ôtô;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi và công nghiệp;
- Lập các dự án và đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim;
- Mua bán khoáng sản, các thiết bị máy móc khai khoáng, chế biến khoáng sản và luyện kim;
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim.

Công ty có trụ sở chính và các chi nhánh tại các địa điểm sau:

| <u>Trụ sở/ Chi nhánh</u> | <u>Địa điểm</u>  |
|--------------------------|--|
| Trụ sở chính             | Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận<br>Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội |

### Công ty con

*Công ty TNHH Một thành viên Khoáng sản và luyện kim Thăng Long-Nghệ An*

- \* Địa chỉ: Số 20, Nguyễn Thái Học, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- \* Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 31/12/2013: 100%
- \* Quyền biểu quyết của Công ty tại ngày 31/12/2013: 100%

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KÝ KẾ TOÁN

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### 2. Ký kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

### 3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá vốn của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bảng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

#### *Nguyên giá*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

### *Khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                      | Số năm  |
|----------------------|---------|
| Tài sản cố định khác | 10      |
| Máy móc, thiết bị    | 03 - 04 |
| Thiết bị văn phòng   | 03      |

### 5. Tài sản cố định vô hình

#### *Nguyên giá*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

### 6. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đóng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Đầu tư vào liên doanh*

Phần vốn góp của Công ty trong cơ sở kinh doanh được đóng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Cơ sở kinh doanh đóng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đóng kiểm soát.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN /HN

Phần vốn góp của Công ty trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Tài sản do Công ty kiểm soát và các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu; (ii) Chi phí phải gánh chịu và doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Phần vốn góp của Công ty trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức liên doanh tài sản được đồng kiểm soát được ghi nhận trong các báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản; (ii) Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty; (iii) Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác; (iv) Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh; (v) Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

*Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

*Dự phòng tồn thắt các khoản đầu tư tài chính*

Dự phòng tồn thắt các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

**8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

### 10. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

### 11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### 12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phản công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

### *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 13. Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại (nếu có) được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế khác*

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỒI KÉ  
 TOÁN HỢP NHẤT

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                    | Cuối kỳ               | Đầu kỳ                |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt           | 17.103.731.656        | 11.609.273.010        |
| Tiền gửi ngân hàng | 11.440.139            | 13.363.210            |
| <b>Cộng</b>        | <b>17.115.171.795</b> | <b>11.622.636.220</b> |

2. Phải thu khách hàng

|   | Cuối năm              | Đầu năm               |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Tập đoàn tre gỗ Việt Nam | 16.749.408.122        | 23.249.408.122        |
| Công ty Cổ phần Luyện kim Đông Bắc            | 8.317.590.616         | 20.147.590.616        |
| Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Mạnh               | 2.342.677.440         | 3.012.677.440         |
| Công ty Cổ phần NANO Thái Nguyên              | -                     | 944.900.000           |
| Công ty CP Mỏ và XNK Khoáng sản Miền<br>Trung | 8.508.500.000         |                       |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>35.918.176.178</b> | <b>47.354.576.178</b> |

3. Trả trước cho người bán

|  | Cuối năm           | Đầu năm              |
|--|--------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần dầu từ khoáng sản Tây Bắc      | -                  | 416.884.942          |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico        | -                  | 1.709.867.508        |
| Công ty Cổ phần Cát Thịnh                      | -                  | 150.000.000          |
| Công ty Cổ phần thông tin và định giá Việt Nam | 100.000.000        | -                    |
| Điện lực Nghĩa Lộ                              | 525                | -                    |
| Công ty TNHH Đại Đồng Tiến                     | 9.000.000          |                      |
| Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á                  | 80.000.000         |                      |
| Công ty CP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương  | 75.000.000         |                      |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>264.000.525</b> | <b>2.276.752.450</b> |

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

|                    | Cuối năm         | Đầu năm          |
|--------------------|------------------|------------------|
| Phải thu thuế TNCN | 4.988.833        | 4.988.833        |
| <b>Cộng</b>        | <b>4.988.833</b> | <b>4.988.833</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN /HN

**5. Hàng tồn kho**

|                        | <u>Cuối năm</u>      | <u>Đầu năm</u>       |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu  | 376.870.923          | 1.197.836.915        |
| Công cụ, dụng cụ       | 23.974.000           | -                    |
| Chi phí SX, KD dở dang | 733.550.977          | 89.452.186           |
| Thành phẩm             |                      | -                    |
| Hàng hóa               | 8.854.373.679        | 2.123.488.380        |
| <b>Cộng</b>            | <b>9.988.769.579</b> | <b>3.410.777.481</b> |

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

|             | <u>Cuối năm</u>      | <u>Đầu năm</u>       |
|-------------|----------------------|----------------------|
| Tạm ứng     | 6.000.000.000        | 4.200.000.000        |
| <b>Cộng</b> | <b>6.000.000.000</b> | <b>4.200.000.000</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**7. Tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục                        | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Thiết bị văn phòng | Tổng cộng     |
|----------------------------------|------------------------|-------------------|---------------------------|--------------------|---------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>                |                        |                   |                           |                    |               |
| Số dư đầu năm                    | 5.385.988.293          | 245.634.132       | 10.726.364                | -                  | 5.642.348.789 |
| Mua trong năm                    | 500.000.000            | -                 | -                         | -                  | 500.000.000   |
| Dầu tư XD&CB hoàn thành          | -                      | -                 | -                         | -                  | -             |
| Tặng khác                        | -                      | -                 | -                         | -                  | -             |
| Chuyển sang BDS đầu tư           | -                      | -                 | -                         | -                  | -             |
| Điều chuyển                      | -                      | -                 | -                         | -                  | -             |
| Giảm khác                        | -                      | -                 | -                         | -                  | -             |
| Số dư cuối năm                   | 5.885.988.293          | 24.400.000        | 10.726.364                | -                  | 35.126.364    |
| <i>Trong đó:</i>                 |                        |                   |                           |                    |               |
| <i>Đã KH hết vẫn còn sử dụng</i> |                        | 221.234.132       | -                         | -                  | 6.107.222.425 |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LÝ KẾ</b>     |                        |                   |                           |                    |               |
| Số dư đầu năm                    | 104.223.615            | 240.957.673       | 6.118.009                 | -                  | 351.299.297   |
| Khäu hao trong năm               | 544.487.778            | 987.511           | 3.584.460                 | -                  | 549.059.749   |
| Giảm khác                        | -                      | 24.400.000        | 9.702.469                 | -                  | 34.102.469    |
| Số dư cuối năm                   | 648.711.393            | 217.545.184       | -                         | -                  | 866.256.577   |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>           |                        |                   |                           |                    |               |
| Tại ngày đầu năm                 | 5.281.764.678          | 4.676.459         | 4.608.355                 | -                  | 5.291.049.492 |
| Tại ngày cuối năm                | 5.237.276.900          | 3.688.948         | -                         | -                  | 5.240.965.848 |

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 264.491.275 đồng.

(\*) Tài sản cố định khác là đường bộ tông vào mò Eo dòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|                                     | Cuối năm             | Đầu năm              |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí điện bù                     | 445.892.727          | 445.892.727          |
| Trạm biến áp                        | 222.727.273          | -                    |
| Xây dựng cơ bản dở dang tại Nghệ An | 3.066.802.172        | 3.066.802.172        |
| <b>Cộng</b>                         | <b>3.735.422.172</b> | <b>3.512.694.899</b> |

9. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

|   | Cuối năm               | Đầu năm                |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Chi Kẽm Yên Bai (*)       | 167.500.000.000        | 167.500.000.000        |
| Công ty TNHH MTV XNK Yên Bai Lào Cai (**) | 70.000.000.000         | 70.000.000.000         |
| <b>Cộng</b>                               | <b>237.500.000.000</b> | <b>237.500.000.000</b> |

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh là các khoản đầu tư hợp tác sản xuất kinh doanh, bao gồm:

(\*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2012/HĐKD ngày 05/03/2012: Hợp tác kinh doanh để sản xuất ra sản phẩm Chi Kẽm tại 2 Mỏ Chi Kẽm tại xã Cẩm Nhân, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bai. Giá trị mỗi bên 200.000.000.000 đồng. Thời hạn hợp đồng là 5 năm kể từ ngày 5/3/2012 đến 5/3/2017.

(\*\*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2012/HĐKD ngày 15/6/2012: Hợp tác liên kết kinh doanh mặt hàng khoáng sản: quặng, thiếc, chì, kẽm, đá thạch anh... Giá trị mỗi bên 100.000.000.000 đồng. Thời hạn hợp đồng là 5 năm kể từ ngày 15/6/2012 đến 15/6/2017.

10. Phải trả người bán

|  | Cuối năm              | Cuối năm              |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Thép Cao Bắc                   | 436.839.523           | 436.839.523           |
| Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Bắc Á       | 36.710.975.025        | 61.818.187.775        |
| Công ty Cổ phần An Hồng Phương                 | 3.457.356.989         | 13.086.876.713        |
| Công ty TNHH Tiên Thành                        | -                     | 182.039.000           |
| Công ty CP Khoáng sản Na Rì Hamico             | 13.722.825.097        |                       |
| Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng XNK Thăng Long | 500.000.000           | -                     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc      | 12.170.885.378        | -                     |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>66.998.882.012</b> | <b>75.523.943.011</b> |

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | Cuối năm             | Đầu năm              |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.629.829.840        | 6.006.737.201        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 4.988.833            | 4.988.833            |
| <b>Cộng</b>                | <b>4.634.818.673</b> | <b>6.011.726.034</b> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH  
Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội,  
CHXHCN Việt Nam

BẢN THƯYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

12. Vốn chủ sở hữu

12.I. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

|                             | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng        |
|-----------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------|
| <b>NĂM TRƯỚC</b>            |                           |                       |                        |                                   |                  |
| Tại ngày đầu năm            | 156.000.000.000           | 1.132.896.466         | 566.448.233            | 9.231.597.806                     | 165.231.597.806  |
| Tăng do trích lập các quỹ   | -                         | -                     | -                      | -                                 | 1.699.344.699    |
| Lãi trong kỳ                | 60.000.000.000            | -                     | -                      | -                                 | 69.112.967.171   |
| Tăng khác                   | -                         | -                     | -                      | -                                 | -                |
| Phản phôi LNST              | -                         | -                     | -                      | (3.094.457.705)                   | (3.094.457.705)  |
| Lỗ trong năm                | -                         | -                     | -                      | -                                 | -                |
| Giảm khác                   | -                         | -                     | -                      | -                                 | -                |
| Tại ngày cuối năm           | 216.000.000.000           | 1.132.896.466         | 566.448.233            | 15.250.107.272                    | 232.949.451.971  |
| <b>NĂM NAY</b>              |                           |                       |                        |                                   |                  |
| Tại ngày đầu năm            | 216.000.000.000           | 1.132.896.466         | 566.448.233            | 15.250.107.272                    | 232.949.451.971  |
| Tăng do trích lập các quỹ   | -                         | 12.200.085.818        | 1.525.010.727          | -                                 | 13.725.096.545   |
| Lãi trong năm               | -                         | -                     | -                      | 973.048.159                       | 973.048.159      |
| Tăng do hợp nhất            | -                         | -                     | -                      | -                                 | -                |
| Giảm do phản phôi lợi nhuận | -                         | -                     | -                      | (14.487.601.909)                  | (14.487.601.909) |
| Tại ngày cuối năm           | 216.000.000.000           | 13.332.982.284        | 2.091.458.960          | 1.735.553.522                     | 233.159.994.766  |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

**12.2. Cổ phiếu**

|  | Cuối năm<br>Cổ phiếu | Đầu năm<br>Cổ phiếu |
|--|----------------------|---------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 21.600.000           | 21.600.000          |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 21.600.000           | 21.600.000          |
| Cổ phiếu phổ thông                     | 21.600.000           | 21.600.000          |
| Cổ phiếu ưu đãi                        | -                    | -                   |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 21.600.000           | 21.600.000          |
| Cổ phiếu phổ thông                     | 21.600.000           | 21.600.000          |
| Cổ phiếu ưu đãi                        | -                    | -                   |

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**12.3. Các quỹ của doanh nghiệp**

|                        | Cuối năm       | Đầu năm       |
|------------------------|----------------|---------------|
| Quỹ đầu tư phát triển  | 13.332.982.284 | 1.132.896.466 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 2.091.458.960  | 566.448.233   |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ  
 HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                        | Năm nay               | Năm trước              |
|------------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>Doanh thu</b>       |                       |                        |
| Doanh thu bán hàng     | 33.035.729.981        | 125.873.474.149        |
| Các khoản giảm trừ     | -                     | -                      |
| <b>Doanh thu thuần</b> | <b>33.035.729.981</b> | <b>125.873.474.149</b> |

**2. Giá vốn hàng bán**

|                          | Năm nay               | Năm trước              |
|--------------------------|-----------------------|------------------------|
| Giá vốn bán hàng         | 30.491.408.246        | 116.716.114.260        |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | -                     | -                      |
| <b>Cộng</b>              | <b>30.491.408.246</b> | <b>116.716.114.260</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|              | Năm nay        | Năm trước            |
|--------------|----------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi | 279.122        | 3.839.915.227        |
| <b>Cộng</b>  | <b>279.122</b> | <b>3.839.915.227</b> |

**4. Chi phí tài chính**

|                        | Năm nay           | Năm trước |
|------------------------|-------------------|-----------|
| Lãi tiền vay ngân hàng | 70.000.000        | -         |
| <b>Cộng</b>            | <b>70.000.000</b> | <b>-</b>  |

**5. Chi phí khác**

|                    | Năm nay           | Năm trước         |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| Các khoản phí khác | 62.116.033        | 92.167.376        |
| <b>Cộng</b>        | <b>62.116.033</b> | <b>92.167.376</b> |

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

|   | Năm nay            | Năm trước            |
|---|--------------------|----------------------|
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                         |                    |                      |
| - <i>Lợi nhuận của Công ty Mẹ</i>                   | 1.540.371.854      | 11.437.459.387       |
| - <i>Lợi nhuận của Công ty Con</i>                  | (161.895.389)      | -                    |
| <b>Điều chỉnh tăng</b>                              | 81.341.370         | 199.696.935          |
| <b>Điều chỉnh giảm</b>                              | -                  | -                    |
| <b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>    |                    |                      |
| - <i>Của Công ty Mẹ</i>                             | 1.621.713.224      | 11.637.156.322       |
| - <i>Của Công ty Con</i>                            | (161.895.389)      | -                    |
| Thuế suất áp dụng                                   | 25%                | 25%                  |
| Thuế TNDN Công ty Mẹ                                | 405.428.306        | 2.909.289.081        |
| Thuế TNDN được giảm                                 | -                  | 584.796.865          |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> | <b>405.428.306</b> | <b>2.324.492.216</b> |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|  | Năm nay     | Năm trước     |
|--|-------------|---------------|
| Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 973.048.159 | 9.112.967.171 |
| Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)                 | 21.600.000  | 19.048.678    |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b>45</b>   | <b>478</b>    |

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                           | Năm nay              | Năm trước            |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 1.357.249.992        | 3.518.340.232        |
| Chi phí nhân công         | 999.522.038          | 2.506.193.000        |
| Chi phí khấu hao TSCĐ     | 541.285.087          | 6.450.456            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | -                    | 63.283.000           |
| Chi phí băng tiền khác    | 147.702.997          | 577.096.897          |
| <b>Cộng</b>               | <b>3.045.760.114</b> | <b>6.671.363.585</b> |

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Thông tin về các bên liên quan**

*Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc*

|  | Năm nay            |
|--|--------------------|
| Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc | 286.789.423        |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>286.789.423</b> |

**2. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Công ty không phát sinh khoản công nợ tiềm tàng nào đến thời điểm ngày 31/12/2013.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN/HN

**3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cản trình bày trên Báo cáo tài chính.

**4. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đổi với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**Các loại công cụ tài chính:**

|                                      | <u>Đơn vị tính: VND</u> |                        |
|--------------------------------------|-------------------------|------------------------|
|                                      | <u>Giá trị ghi sổ</u>   | <u>Đầu kỳ</u>          |
| <b>Tài sản tài chính</b>             |                         |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 17.115.171.795          | 11.622.636.220         |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 36.187.165.536          | 49.636.317.461         |
| Đầu tư ngắn hạn                      |                         |                        |
| Đầu tư dài hạn                       | 237.500.000.000         | 237.500.000.000        |
| Tài sản tài chính khác               |                         |                        |
| <b>Công</b>                          | <b>290.802.337.331</b>  | <b>298.758.953.681</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>         |                         |                        |
| Các khoản vay                        | 10.000.000.000          | -                      |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 83.416.902.515          | 82.615.765.511         |
| Chi phí phải trả                     | -                       | -                      |
| <b>Công</b>                          | <b>93.416.902.515</b>   | <b>82.615.765.511</b>  |

**Quản lý rủi ro vốn:**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Quản lý rủi ro tài chính:**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

### Quản lý rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

| Khoán mục                           | Dưới 1 năm            | Từ 1 đến 5 năm | Tổng                  |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------|-----------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>        |                       |                |                       |
| Số dư cuối kỳ                       |                       |                |                       |
| Các khoản vay                       | 10.000.000.000        | -              | 10.000.000.000        |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 83.416.902.515        | -              | 83.416.902.515        |
| Chi phí phải trả                    | -                     | -              | -                     |
| Cộng                                | <b>93.416.902.515</b> | <b>-</b>       | <b>93.416.902.515</b> |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                 |                       |                |                       |
| Các khoản vay                       | -                     | -              | -                     |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 82.615.765.511        | -              | 82.615.765.511        |
| Chi phí phải trả                    | -                     | -              | -                     |
| Cộng                                | <b>82.615.765.511</b> | <b>-</b>       | <b>82.615.765.511</b> |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

**TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**Số dư cuối kỳ**

|                                      |                       |                        |                        |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 17.115.171.795        | -                      | 17.115.171.795         |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 36.187.165.536        | -                      | 36.187.165.536         |
| Đầu tư dài hạn                       | -                     | 237.500.000.000        | 237.500.000.000        |
| Tài sản tài chính khác               |                       |                        |                        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>53.302.337.331</b> | <b>237.500.000.000</b> | <b>290.802.337.331</b> |

**Số dư đầu kỳ**

|                                      |                       |                        |                        |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 11.622.636.220        | -                      | 11.622.636.220         |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 49.636.317.461        | -                      | 49.636.317.461         |
| Đầu tư ngắn hạn                      |                       |                        |                        |
| Đầu tư dài hạn                       |                       | 237.500.000.000        | 237.500.000.000        |
| Tài sản tài chính khác               |                       |                        |                        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>61.258.953.681</b> | <b>237.500.000.000</b> | <b>298.758.953.681</b> |

5. Báo cáo bộ phận

Năm 2013, doanh thu chính của Công ty phát sinh chủ yếu trên cùng một địa bàn, do đó Công ty không thực hiện trình bày Báo cáo bộ phận cho năm 2013.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2012 chuyển sang ngày 01/01/2013 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt.

  
 Trần Thị Thu Hoài  
 Người lập biểu

  
 Trần Thị Thu Hoài  
 Kế toán trưởng



  
 Thái Bá Hiền  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 24 tháng 03 năm 2014